TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. P TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày: 18/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. P – TỈNH GIALAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường, bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. P, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. P, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

P Q T (tên gọi khác: cu lớn) - Sinh năm 1996, tại Gia Lai.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ 4, P. YT, Tp. P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Cha: PVD - Sinh năm 1955 và mẹ: PTTT - Sinh năm 1970. Hiện cha, mẹ trú tại Tổ 4, P. YT, Tp. P, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 05 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Về nhân thân: Ngày 06/3/2013, thực hiện hành vi cướp tài sản; tại bản án số 97/2014/HS-ST ngày 09/7/2014 của Tòa án nhân dân Tp. P, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 05 năm 03 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổ, bổ sung năm 2009; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung - Bộ Công an. Ngày 01/12/2016, được đặc xá (bản án này, P Q T đã được xóa án tích).

Tiền sự: 01 lần. Ngày 04/12/2020, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân P. YT, Tp. P ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường với thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 06/12/2020 đến 06/3/2021 (về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy). Quyết định này, bị cáo chưa thi hành.

Bị cáo P Q T bị tạm giữ từ ngày 16/12/2020 sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông BKT – sinh năm: 1975; địa chỉ: tổ 4, p K, Tp. P, tỉnh Gia lai. Vắng mặt.

2. Chị NTTV – sinh năm: 1986; địa chỉ: Hẻm 125 đường TS, p K, Tp. P, tỉnh Gia lai. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông NTD – sinh năm 1958; địa chỉ: tổ 10, phường K, Tp. P, tỉnh Gia lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 16/12/2020, tại khu vực cổng Nông trường IS, huyện IG, tỉnh Gia Lai, P Q T đã mua của đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) 07 gói nilon ma túy loại Methamphetamine với giá 1.500.000 đồng, với mục đích để bán lại với giá 300.000 đồng/01gói, để kiếm lời. Sau khi mua được ma túy T cất giấu vào túi quần và mang về phòng trọ số 02 hẻm 125 đường HS, Tổ 10, phường IK, Tp. P, do chị NTTV thuê ở. Đến 17 giờ 45 phút cùng ngày, chị V đi ra ngoài mua đồ ăn, còn T ở phòng trọ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy-Công an Tp. P phối hợp với Công an phường IK bắt quả tang cùng tang vật, gồm: 07 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng cùng chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu tím - xanh - đen kèm sim số mà T đã sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy.

Qua giám định, xác định: 07 gói nilon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng mà P Q T đã tàng trữ để bán là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,2535 gam.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 31/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân Tp. P đã truy tố bị cáo P Q T về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo P Q T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng: Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tú tính từ ngày 16/12/2020.

Áp dụng: Khoản 1Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím – xanh – đen, kèm sim số. (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng)

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì dán kín, ghi số 15/PC09 ngày 24 tháng 12 năm 2020, bên ngoài có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo P Q T phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Đối với đối tượng tên T là người mà T khai đã bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại khu vực Nông trường IS, huyện IG, tỉnh Gia Lai, nhưng chưa xác định được và bị cáo cũng không biết được nhân thân, lai lịch của T; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký của chiếc điện thoại đã thu giữ của T nhưng không xác định được số điện thoại của T và không có nội dung tin nhắn liên quan đến việc mua bán ma túy nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với chị NTTV: Việc T mua ma túy, cất giấu trong túi quần rồi mang đến phòng trọ thì chị Vi không biết nên không có căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với ông BKT là chủ nhà trọ hẻm 125 đường HS, Tp. P); việc T mang ma túy đến phòng trọ của chị V thì ông T hoàn toàn không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo P Q T khai nhận: Vào khoảng 10 giờ ngày 16/12/2020, tại khu vực cổng Nông trường IS, huyện IG, tỉnh Gia Lai, P Q T đã mua của đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) 07 gói nilon ma túy loại Methamphetamine với giá 1.500.000 đồng, với mục đích để bán lại với giá 300.000 đồng/01gói, để kiếm lời. Sau khi mua được ma túy T cất giấu vào túi quần và mang về phòng trọ số 02 hẻm 125 đường HS, Tổ 10, phường IK, Tp. P, do chị NTTV thuê ở. Đến 17 giờ 45 phút cùng ngày, chị Vi đi ra ngoài mua đồ ăn, còn T

ở phòng trọ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy-Công an Tp. P phối hợp với Công an phường IK bắt quả tang cùng tang vật, gồm: 07 gói nilon bên trong chứa: 1,2535 gam ma túy loại Methamphetamine.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ, bản kết luận giám định số 15/KLGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:*"Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 07 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,2535 gam"*, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở kết luận: Ngày 16/12/2020 bị cáo P Q T đã mua bán và đang cất giữ *1,2535 gam* Methamphetamine để bán kiếm lời thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2018, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo nhận thức được tính nguy hiểm của ma túy đối với con người, đây là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Mua bán trái phép chất ma túy (loại Methamphetamine) là hành vi bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn mua ma túy để bán kiếm lời. Đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Ngày 06/3/2013, thực hiện hành vi cướp tài sản; tại bản án số 97/2014/HS-ST ngày 09/7/2014 của Tòa án nhân dân Tp. P, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 05 năm 03 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổ, bổ sung năm 2009; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung - Bộ Công an (bản án này đã được xóa án tích).

Ngày 04/12/2020, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân P. YT, Tp. P ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường với thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 06/12/2020 đến 06/3/2021 (về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy). Quyết định này, bị cáo chưa thi hành.

Tuy nhiên HĐXX thấy cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã T khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

3. Đối với đối tượng tên T là người mà T khai đã bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại khu vực Nông trường IS, huyện IG, tỉnh Gia Lai, nhưng chưa xác định được và bị cáo cũng không biết được nhân thân, lai lịch của T; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký của chiếc điện thoại đã thu giữ của T nhưng không xác định được số điện thoại của T và không có nội dung tin nhắn liên quan đến việc mua bán ma túy nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với chị NTTV: Việc T mua ma túy, cất giấu trong túi quần rồi mang đến phòng trọ thì chị V không biết nên không có căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với ông BKT là chủ nhà trọ hẻm 125 đường HS, Tp. P); việc T mang ma túy đến phòng trọ của chị V thì ông Truyền hoàn toàn không biết nên không có căn cứ để xử lý.

4. Đối với tang vật của vụ án:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím – xanh – đen, kèm sim số. (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng)

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì dán kín, ghi số 15/PC09 ngày 24 tháng 12 năm 2020, bên ngoài có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **P Q T** phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo P Q T 03 (ba) năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 16/12/2020.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím – xanh – đen, kèm sim số. (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng)

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì dán kín, ghi số 15/PC09 ngày 24 tháng 12 năm 2020, bên ngoài có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an Tp. P và Chi cục thi hành án dân sự Tp. P ngày 02/4/2021).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo P Q T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 18/5/2021) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký
Trần Thị Tố Uyên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND Tp. P;
-Công an Tp. P;
-Chi cục THA dân sự;

-Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
-Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
-Lưu hồ sơ vụ án.